

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HS-ST

Ngày: 24-10-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Dũng
2. Bà Phùng Thị Hoài Phương
3. Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ L số 43/2018/HSST ngày 21-9-2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2018/QĐXXST-HS ngày 09-10-2018 đối với các bị cáo:

1. Võ Văn L (tên khác Tý), sinh ngày 08-8-1996 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKKTT: tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: số 2A P, phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: thợ điện; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ C (Võ Văn D), sinh năm 1968 và bà Cao Thị Kim C, sinh năm 1967; vợ Lê Như Ngọc B, sinh năm 1996 và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12-9-2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Huy Tài thuộc văn phòng luật sư Nguyễn Huy Tài – Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Nguyễn Tuấn H, sinh năm 1983 tại Lâm Đồng; nơi cư trú: số 136 H, phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: thợ sửa máy; trình độ học vấn: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị B, sinh

năm 1959; vợ Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1983 và có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- *Bị hại*: Ông Đặng Hoàng Minh H, sinh năm 1987; nơi cư trú: 72 H, phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Bùi Thị Kim C, sinh năm 1963; nơi cư trú: 72 H, phường 10, thành phố Đà, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Lê Văn V, sinh năm 1971; nơi cư trú: số 02 P, phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;

2. Ông Lê Đình P, sinh năm 1984; nơi cư trú: 12 H, phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;

3. Ông Lê U (Quân), sinh năm 1969; nơi cư trú: 97 H, phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 12-9-2017, bị cáo L điều khiển xe máy hiệu Suzuki biển số 59D1-111.66 dưới yên có 01 dao tự chế (*dài khoảng 20cm, mũi dao hơi nhọn, phần cán dao được ốp bằng gỗ, dài khoảng 20cm*) đến quán Lê Vinh tại 02 Phạm Hồng Thái, phường 10, thành phố Đà Lạt để uống rượu cùng một số người bạn (*hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch*), tại thời điểm này ngoài nhóm của bị cáo L, còn có bị hại anh H, bị cáo H, anh P, anh U; đến khoảng hơn 19 giờ cùng ngày bị hại anh H, bị cáo L đi vào phòng vệ sinh trong quán. Do đã uống rượu nên khi vào khu vực vệ sinh, bị cáo L vô tình giẫm vào chân bị hại anh H, nên giữa bị hại anh H và bị cáo L xảy ra mâu thuẫn, sau đó bị hại anh H ra ngoài bàn ngồi và kể lại cho cả nhóm nghe sự việc xảy ra trong nhà vệ sinh. Do bị hại anh H thấy bị cáo L nhỏ tuổi mà có thái độ hỗn láo, nên đã rủ anh P, bị cáo H đi vào khu vực nhà vệ sinh để nói chuyện với bị cáo L, sau đó anh P và bị cáo H đứng dậy đi vào phòng vệ sinh cùng với anh H. Khi đến đường luồng vào phòng vệ sinh thì gặp bị cáo L đi ra, nên hai bên đứng nói chuyện với nhau. Lúc này bị cáo L xin lỗi nhưng bị cáo H và anh H vẫn dùng tay, chân đánh bị cáo L. Khi được mọi người can ngăn bị cáo L chạy ra ngoài, anh H và bị cáo H cũng đi ra ngoài.

Do bị đánh, bị cáo L chạy đến bàn của mình hô to “*tụi nó đánh em*” rồi lấy chìa khóa xe máy ra ngoài bãi để xe của quán, mở cốp xe của mình lấy 01 con dao tự chế cầm trên tay trái chạy vào trong quán. Thấy bị cáo L cầm dao chạy vào nên bị cáo H và anh H bỏ chạy vào phòng nhà vệ sinh của quán rồi đóng cửa lại, bị cáo L cầm dao chém nhiều nhát vào cửa phòng vệ sinh (*cửa nhựa*) làm vỡ, rách cửa. Sợ bị chém nên bị cáo H dùng chân đạp mạnh vào cánh cửa làm cửa bung văng về phía bị cáo L, nên bị cáo L đưa tay lên đỡ cánh cửa;

cùng lúc này bị cáo H bỏ chạy theo đường luồng ra ngoài. Sau khi đẩy cánh cửa nhựa mà bị cáo H vừa đạp văng ra, thấy bị hại anh H đang đứng bên trong, bị cáo L cầm dao bằng tay trái giơ lên chém liên tiếp nhiều nhát từ trên xuống dưới, từ sau ra trước trúng vào vùng đầu của bị hại anh H; khi bị chém, bị hại anh H đưa tay lên đỡ thì bị chém vào tay và chân, sau đó bị cáo L cầm dao bỏ đi ra ngoài điều khiển xe bỏ đi, trên đường đi bị cáo L vứt dao xuống bên đường, hiện không thu giữ được (các bút lục 133-135, 135-139, 150-162). Đối với bị hại anh H được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ bệnh án thì bị hại anh H bị 07 vết thương, trong đó 03 vết thương ở chẩm thái dương trái lộ sọ, chưa qua xương sọ; 01 vết thương ở chẩm phải, đi qua sọ, thấu não; 01 vết thương ở gò trái đứt gân cơ, thấu khớp; 01 vết thương ở khuỷu tay trái, đứt gân cơ, gãy xương trụ; 01 vết thương ở cổ tay phải, đứt gân cơ.

Bản kết luận số 01/2018/TgT ngày 31-01-2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Lâm Đồng kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của anh H là 49% (bút lục 57-58).

Vật chứng thu giữ: 01 chùm chìa khóa xe gồm 01 chìa khóa có chữ Suzuki màu đen; 01 chìa khóa Việt Tiệp, 01 chùm chìa khóa YQFI; 01 chùm chìa khóa gồm 01 chìa USC, 01 chìa Eor; 01 thẻ ATM Vietin Bank tên Võ Văn L; 01 giấy phép lái xe tên Võ Văn L; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Võ Văn L; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo R1001 màu đen có ốp màu xanh; 02 (hai) chiếc dép xỏ ngón, quai màu đen, dép màu vàng nâu; 01 xe máy hiệu Suzuki và đăng ký xe biển số 59D1-111.66; số tiền 2.080.000đ (bút lục 12,13).

Đối với dao tự chế bị cáo bỏ chạy đã vứt bỏ, hiện thất lạc Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy (bút lục 05).

Về bồi thường thiệt hại: Sau khi vụ án xảy ra, bị hại anh H đã chi phí cấp cứu và điều trị hết số tiền 27.500.000đ, hiện bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS-P2 ngày 20-9-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Võ Văn L về tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (*sau đây gọi chung Bộ luật Hình sự năm 1999*); truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn H về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo khoản 1 Điều 245 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị tUên bố bị cáo L phạm tội “*Giết người*”; tuyên bố bị cáo H phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo L. Xử phạt bị cáo L từ 9 năm tù đến 10 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 245 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo H. Xử phạt bị cáo H từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại anh H các khoản thiệt hại thu nhập bị mất; bồi thường cho bà Chi mẹ anh H trực tiếp chi phí các khoản chi phí cấp cứu, chữa trị thương tích, bồi dưỡng theo quy định pháp luật.

Về vật chứng: Đề nghị xử L theo pháp luật.

Bị cáo L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố, không thắc mắc khiếu nại gì về bản cáo trạng, đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về bồi thường thiệt hại đồng ý bồi thường cho anh H các khoản thiệt hại thu nhập bị mất cho anh H theo quy định pháp luật; bồi thường cho bà C mẹ anh H trực tiếp chi phí các khoản chi phí cấp cứu, chữa trị thương tích, bồi dưỡng cộng chung 50.000.000đ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh truy tố bị cáo. Tuy nhiên cần đánh giá nguyên nhân xảy ra bị hại anh H cũng có lỗi, đề nghị Tòa án áp dụng thêm điểm e khoản 1 Điều 59; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức thấp nhất cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo H khai nhận khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố, không thắc mắc khiếu nại gì về bản cáo trạng, đề nghị Tòa xem xét mức hình phạt thấp nhất.

Bị hại anh H xác định các khoản chi phí cấp cứu, chữa trị, bồi dưỡng do bà C (mẹ bị hại) bỏ ra, nên bà C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000đ, đề nghị Tòa xem xét. Về thu nhập bị mất 10.000.000đ/tháng, đề nghị Tòa án buộc bị cáo bồi thường 6 tháng tương ứng 60.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xuất phát từ việc mâu thuẫn nhỏ giữa bị cáo L và bị hại anh H tại nhà vệ sinh của quán Lê Vinh tại 02 Phạm Hồng Thái, phường 10, thành phố Đà Lạt, bị cáo L xin lỗi nhưng bị cáo H và bị hại anh H vẫn dùng tay, chân đánh bị cáo L. Khi được mọi người can ngăn bị cáo L chạy ra ngoài, anh H và bị cáo H cũng đi ra ngoài. Do bị đánh, bị cáo L chạy đến bàn của mình hô to “tụi nó đánh em”, sau đó ra ngoài bãi để xe của quán, mở cốp xe của mình lấy 01 con dao tự chế cầm trên tay trái chạy vào trong quán bị cáo H và bị hại anh H bỏ chạy vào phòng nhà vệ sinh của quán đóng cửa lại nhằm tránh truy sát, bị cáo L cầm dao chém nhiều nhát vào cửa nhựa của phòng vệ sinh làm vỡ, rách cửa; bị cáo H dùng chân đạp mạnh vào cánh cửa làm cửa văng về phía bị cáo L, bị cáo H bỏ chạy ra ngoài. Bị cáo L thấy bị hại anh H đang đứng bên trong, bị cáo L cầm dao bằng tay trái giơ lên chém liên tiếp nhiều nhát từ trên xuống dưới, từ sau ra

trước trúng vào vùng đầu của bị hại anh H; khi bị chém, bị hại anh H đưa tay lên đỡ thì bị chém vào tay và chân, sau đó bị cáo L cầm dao bỏ đi ra ngoài điều khiển xe bỏ đi, còn bị hại anh H được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng. Đối chiếu với thương tích 03 vết thương ở cằm thái dương trái lộ sọ, chưa qua xương sọ; 01 vết thương ở cằm phải, đi qua sọ, thấu não. Như vậy, tuy bị cáo không mong muốn tước đoạt tính mạng của bị hại nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra thể hiện bị cáo L thực hiện hành vi dùng dao chém vào đầu bị hại buộc bị cáo phải biết thấy trước hậu quả có thể xảy ra. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo, lời khai bị hại, người làm chứng, kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường, đã có đủ căn cứ các định xác bị cáo L phạm tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đối với bị cáo H tham gia đánh bị cáo L, sau đó bị cáo L dùng dao chém bị hại anh H, nên bị cáo H phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo khoản 1 Điều 245 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trong đó bị cáo L phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; xâm hại đến khách thể tính mạng con người được pháp luật bảo vệ; bị cáo H xâm hại đến khách thể trật tự công cộng. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, xem thường lẽ sống. Do vậy, khi quyết định mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt, cần áp dụng cho các bị cáo tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*thành khẩn khai báo*” quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo L phạm tội chưa đạt nên áp dụng khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt. Ngoài ra, bị hại đánh bị cáo dù chỉ là tát tai, nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo H nhân thân chưa có tiền án tiền sự, nên áp dụng tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, do vậy áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình, không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[3] *Về trách nhiệm dân sự*: tại phiên tòa, bà C xác định chi phí xác định các khoản chi phí cấp cứu, chữa trị, bồi dưỡng do bà C (*mẹ bị hại*) bỏ ra, được anh H thừa nhận, nên bà C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000đ, bị cáo đồng ý bồi thường cho bà C. Xét sự thỏa thuận là phù hợp, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, nên buộc bị cáo bồi thường cho bà C số tiền 50.000.000đ. Đối với anh H yêu cầu bị cáo bồi thường thu nhập bị mất trong thời gian bị thương tích là 60.000.000đ. Tuy nhiên anh H không chứng minh được thu nhập trước

khi xảy ra vụ án. Do vậy, chấp nhận một phần yêu cầu của anh H buộc bị cáo bồi thường cho bị hại anh H thu nhập bị mất bình quân tại địa phương $6.000.000\text{đ}/\text{tháng} (200.000\text{đ}/\text{ngày} \times 30 \text{ ngày}) \times 6 \text{ tháng} = 36.000.000\text{đ}$ là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng: vật chứng chuyển sang Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng ngày 20-9-2018, Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo L 01 chùm chìa khóa xe gồm 01 chìa khóa có chữ Suzuki màu đen; 01 chìa khóa Việt Tiệp, 01 chùm chìa khóa YQFI; 01 chùm chìa khóa gồm 01 chìa USC, 01 chìa Eor; 01 thẻ ATM Vietin Bank tên Võ Văn L; 01 giấy phép lái xe tên Võ Văn L; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Võ Văn L; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO R1001 màu đen có ốp màu xanh; số tiền 2.080.000đ không phải vật chứng liên quan đến tội phạm, nên trả lại cho bị cáo, riêng số tiền, điện thoại cần được tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Đối với 01 xe máy hiệu Suzuki, biển kiểm soát 59D1-111.66 cũng không phải vật chứng, trong khi đó xe không có giấy tờ hợp pháp, chưa xác định được nguồn gốc, nên giao cho Cơ quan Công an xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với 02 chiếc dép xỏ ngón, quai màu đen, dép màu vàng nâu, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; Đối với án phí dân sự, cần miễn cho bị cáo L nhằm tạo điều kiện bị cáo bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại.

Vì các lẽ trên:

QUẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 259; khoản 2 Điều 260; Điều 299; Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Võ Văn L phạm tội “*Giết người*”; tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn H phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Võ Văn L.

- Xử phạt bị cáo Võ Văn L 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12-9-2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 245 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Tuấn H.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn H 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Tuấn H cho Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc

giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì việc Thi hành án thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Võ Văn L có trách nhiệm bồi thường cho bà Bùi Thị Kim C số tiền 50.000.000đ; bồi thường cho anh Đặng Hoàng Minh H số tiền 36.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Võ Văn L 01 chùm chìa khóa xe gồm 01 chìa khóa có chữ Suzuki màu đen; 01 chìa khóa Việt Tiệp, 01 chùm chìa khóa YQFI; 01 chùm chìa khóa gồm 01 chìa USC, 01 chìa Eor; 01 thẻ ATM Vietin Bank tên Võ Văn L; 01 giấy phép lái xe tên Võ Văn L; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Võ Văn L;

- Trả cho bị cáo L 01 điện thoại di động hiệu Oppo R1001 màu đen có ốp màu xanh; số tiền 2.080.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001957 ngày 20-9-2018 nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án;

- Tịch thu, tiêu hủy 02 chiếc dép xỏ ngón, quai màu đen, dép màu vàng nâu;

- Giao chiếc xe máy hiệu Suzuki biển kiểm soát 59D1-111.66 cho Công an tỉnh Lâm Đồng để xử L theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc mỗi bị cáo Võ Văn L, bị cáo Nguyễn Tuấn H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự cho bị cáo Võ Văn L.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, qUết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Vụ GDKT1-TANDTC;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Lâm Đồng
- Cơ quan THAHS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo (*để thi hành*);
- Bị hại (*để thi hành*);
- Người liên quan (*để thi hành*);
- Luật sư;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án; Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Đồng